

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: ông **Nguyễn Nam P**; sinh năm: 1959; nơi cư trú: **tổ E, khu F, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**.

* Bị đơn: **Công ty cổ phần Đ**. Địa chỉ: **khu B, C, Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh**; địa chỉ trụ sở: **tổ H, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**; người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông **Nguyễn Trọng H** – chức vụ: giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Trần Trung K** (sinh năm: 1979) và ông **Lã Thành L** (sinh năm: 2001); cùng địa chỉ: **số A V, phường X, quận T, thành phố Hà Nội**; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông **Trần Trung K** (sinh năm: 1979). Địa chỉ: **số A V, phường X, quận T, thành phố Hà Nội**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 27/01/2011, ông **P** và **Công ty cổ phần Đ** (sau đây ghi tắt là **Công ty Đ**) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD về việc thực hiện các dự án: Xây dựng khu xen cư **phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**. Tổng mức đầu tư: 62.386.543.000 đồng, tổng diện tích quy hoạch 42.947m². Mục đích hợp tác kinh doanh là đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án theo đúng thiết kế đã được duyệt bao gồm các công việc chủ yếu: đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nộp tiền sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng, bán ra thị trường lô đất đã có đủ các điều kiện giao quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông được chia lợi nhuận theo tỷ lệ 45% tổng lợi nhuận ròng bằng tổng doanh thu trừ đi tổng chi phí, được sử dụng 7% tổng lợi nhuận vào việc chi phí đối ngoại.

Ngày 22/12/2015, hai bên cùng ký biên bản làm việc với nội dung: ông P đã nhận số tiền 9.387.000.000 đồng và được chia 06 lô đất tại dự án: xây dựng khu xen cư phường C, bao gồm: ô số 08 LK1: 77,5m²; ô số 9 LK1: 80m²; ô số 15 LK2: 80m²; ô số 16 LK2: 80m²; ô số 24 LK3: 65m²; ô số 23 LK5: 70m².

Ngày 09/9/2020, hai bên tiếp tục ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD trong đó tại Điều 2 xác định hai bên đã thỏa thuận phân chia lợi nhuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD xong. Ngoài ra Công ty cổ phần Đ cam kết sẽ chuyển cho ông P thêm 01 ô đất nữa, diện tích và vị trí sẽ do hai bên thỏa thuận sau.

Công ty cổ phần Đ đã giao 07 ô đất cho ông Nguyễn Nam P, trong đó có 01 ô đất đã thu số tiền 200.000.000 đồng của bà Vũ Thị N là vợ của ông P (ô đất số 07, vị trí lô LK01).

Các đương sự thỏa thuận Công ty cổ phần Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Nam P số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

* Về án phí: Ông Nguyễn Nam P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Công ty cổ phần Đ phải nộp 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả được khoản tiền phải thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cẩm Phả;
- CCTHADS TP. Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Vinh